TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5520205

TRÌNH ĐỘ : TRUNG CẤP

Ban hành kèm theo quyết định số: 159/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su

Bình Phước, Năm 2024

TẬP ĐOÀN CNCS VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CN CAO SU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Mã ngành, nghề: 5520205

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên

Thời gian khóa học: 2 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp nhằm đào tạo các kỹ thuật viên chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ trung cấp nhằm đào tạo các kỹ thuật viên chuyên lắp đặt, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí như: Hệ thống máy lạnh trong các kho lạnh, hệ thống máy lạnh thương nghiệp, máy kem, máy đá, tủ lạnh; hệ thống điều hòa không khí trung tâm, điều hòa không khí cục bộ... đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất, an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

+ Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật trong nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Trình bày được những nội dung cơ bản về tiêu chuẩn an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Hiểu được phương pháp, quy trình thực hiện xanh hóa trong thực hiện các công việc của nghề;

+ Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Mô tả được các loại trang thiết bị, dụng cụ và phân tích được chức năng của từng thiết bị, dụng cụ trong nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Trình bày được phương pháp và quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí cục bộ, điều hòa không khí trung tâm đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Trình bày được phương pháp và quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Phân tích được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;

+ Biết được phương pháp cập nhật các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;

+ Trình bày nguyên lý làm việc, cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị chính được sử dụng trong nghề;

+ Trình bày được phương pháp tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế lắp đặt sơ bộ được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí có năng suất lạnh nhỏ;

+Trình bày được các quy định trong nghiệm thu bàn giao công việc;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2 Kỹ năng:

+ Đọc được các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ thiết kế, lắp đặt trong hệ thống lạnh;

+ Lựa chọn, sử dụng được các dụng cụ, thiết bị chính trong nghề;

+ Giám sát và thực hiện được công tác an toàn trong lĩnh vực của nghề;

+Lắp đặt, vận hành được hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;

+ Lắp đặt, vận hành được hệ thống điều hòa không khí cục bộ đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;

+ Bảo trì, bảo dưỡng được các hệ thống lạnh đảm bảo an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu;

+ Kiểm tra được các thông số kỹ thuật hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;

+ Sửa chữa được các hư hỏng về cơ, điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;

+ Sửa chữa được một số hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;

+ Đánh giá được tác động môi trường của môi chất lạnh và các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện các công việc của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Đề xuất được phương án tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phế thải khi thực hiện các lĩnh vực của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí;

+ Phân loại được rác thải trong công nghiệp;

+ Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

+ Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc ít thay đổi;

+ Hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đã định sẵn, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và một phần đối với nhóm;

+ Chịu trách nhiệm đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của bản thân và một phần công việc của các thành viên trong nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống máy lạnh thương nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí cục bộ;
- Vận hành hệ thống máy lạnh;
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống lạnh;
- Sửa chữa hệ thống lạnh;
- Bảo hành hệ thống lạnh;
- Sửa chữa mạch điện điều khiển cho hệ thống lạnh.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.540/59 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 22
- Khối lượng học tập các môn học chung: 255/12 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.285/47 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 385 (giờ); thực hành, thực tập: 1.097 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1	NLCB-01	Thực hiện các biện pháp an toàn khi làm việc
2	NLCB-02	Sử dụng dụng cụ cầm tay
3	NLCB-03	Sử dụng dụng cụ đo, kiểm tra
4	NLCB-04	Phân tích hồ sơ thi công

5	NLCB-05	Xanh hóa trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
6	NLCB-06	Ứng dụng công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
II	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
1	NLCL-01	Công tác chuẩn bị
2	NLCL-02	Lắp đặt hệ thống lạnh dân dụng hoàn chỉnh
3	NLCL-03	Lắp đặt máy nén
4	NLCL-04	Lắp đặt quầy lạnh
5	NLCL-05	Lắp đặt cụm ngưng tụ
6	NLCL-06	Lắp đặt hệ thống đường ống môi chất lạnh, nước
7	NLCL-07	Thử bền, thử kín hệ thống
8	NLCL-08	Hút chân không hệ thống
9	NLCL-09	Lắp đặt hệ thống điện
10	NLCL-10	Nạp môi chất lạnh cho hệ thống
11	NLCL-11	Chạy thử hệ thống
12	NLCL-12	Điều chỉnh các thông số kỹ thuật
13	NLCL-13	Nghiệm thu và bàn giao
14	NLCL-14	Lắp đặt cụm ngoài nhà
15	NLCL-15	Lắp đặt cụm trong nhà
16	NLCL-16	Chạy thử và nạp môi chất lạnh bổ sung
17	NLCL-17	Kiểm tra hệ thống lạnh
18	NLCL-18	Làm sạch thiết bị ngưng tụ, bay hơi
19	NLCL-19	Làm sạch tháp giải nhiệt
20	NLCL-20	Làm sạch hệ thống đường ống dẫn nước
21	NLCL-21	Bảo dưỡng bơm
22	NLCL-22	Làm sạch hệ thống lưới lọc gió
23	NLCL-23	Bảo dưỡng quạt - máy khuấy
24	NLCL-24	Kiểm tra lượng môi chất lạnh trong máy
25	NLCL-25	Kiểm tra hệ thống truyền động đai

26	NLCL-26	Làm sạch Phin lọc môi chất lạnh
27	NLCL-27	Kiểm tra các thiết bị an toàn
28	NLCL-28	Bảo trì máy nén
29	NLCL-29	Bảo trì - bảo dưỡng hệ thống điện động lực
30	NLCL-30	Bảo trì - bảo dưỡng hệ thống điện điều khiển
31	NLCL-31	Kiểm tra kết quả sau bảo trì, bảo dưỡng
32	NLCL-32	Sửa chữa dàn ngưng tụ- dàn bay hơi
33	NLCL-33	Thay phin lọc
34	NLCL-34	Sửa chữa hệ thống nước
35	NLCL-36	Kiểm tra lỗi của mạch điện
36	NLCL-37	Sửa chữa những sự cố của mạch điện
37	NLCL-38	Vận hành chạy thử mạch điện
38	NLCL-39	Theo dõi tình trạng hoạt động của mạch điện
III	**Năng lực nâng cao**	
1	NLNC-01	Kiểm tra hệ thống máy lạnh
2	NLNC-02	Cài đặt chế độ làm việc của hệ thống máy lạnh
3	NLNC-03	Khởi động hệ thống giải nhiệt
4	NLNC-04	Khởi động hệ thống tải lạnh
5	NLNC-05	Khởi động máy nén
6	NLNC-06	Theo dõi các thông số kỹ thuật
7	NLNC-07	Xác định nguyên nhân hư hỏng
8	NLNC-08	Sửa chữa bình ngưng tụ- bình bay hơi
9	NLNC-09	Sửa chữa động cơ điện
10	NLNC-10	Sửa chữa máy nén
11	NLNC-11	Sửa chữa tháp giải nhiệt
12	NLNC-12	Sửa chữa các thiết bị bảo vệ
13	NLNC-13	Sửa chữa các thiết bị điều chỉnh
14	NLNC-14	Sửa chữa bơm
15	NLNC-15	Sửa chữa hệ thống điện
16	NLNC-16	Sửa chữa hệ thống gió

17	NLNC-17	Nhận thông tin từ trung tâm bảo hành
18	NLNC-18	Kiểm tra điều kiện bảo hành
19	NLNC-19	Xử lý sự cố
20	NLNC-20	Bàn giao sản phẩm khách hàng
21	NLNC-21	Báo cáo

6. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	**Các môn học chung/đại cương**	12	255	95	146	14
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	28	2
MH 06	Ngoại ngữ	4	90	30	56	4
II	**Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề**	47	1285	290	951	44
II.1	**Môn học, mô đun cơ sở**	10	255	120	121	14
MH07	An toàn, vật liệu, đo lường điện lạnh	1	30	25	3	2
MĐ08	Khí cụ điện - Điện lạnh	1	45	15	28	2
MĐ09	Kỹ thuật lắp đặt điện cơ bản	3	75	15	57	3
MH10	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hoà không khí	2	30	25	3	2
MH11	Cơ sở kỹ thuật điện	2	30	25	3	2
MĐ12	Điện tử cơ bản	1	45	15	27	3

II.2	**Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề**	37	1030	170	830	30
MĐ13	Bảo dưỡng và Sửa chữa động cơ điện	3	75	15	57	3
MĐ14	Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống máy lạnh dân dụng	4	90	30	56	4
MĐ15	Lắp đặt và bảo dưỡng hệ thống điều hoà không khí dân dụng	4	90	30	56	4
MĐ16	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	90	25	61	4
MĐ17	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm.	4	90	25	61	4
MĐ18	Trang bị điện trong hệ thống lạnh	3	75	15	57	3
MĐ19	Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện lạnh Ô tô	2	60	15	42	3
MĐ20	Sửa chữa và bảo dưỡng máy lạnh thương nghiệp	3	75	15	57	3
MĐ21	Thực tập cơ sở	4	160		159	1
MĐ22	Thực tập tốt nghiệp	6	225		224	1
Tổng cộng		**59**	**1540**	**385**	**1097**	**58**

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn

học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh, học sinh được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép học sinh cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế trong hai năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Học sinh phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích luỹ mô đun hoặc tích luỹ tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, thực tập tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô đun

- Học sinh không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích luỹ đủ môn học, mô đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy

định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khoá tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma tuý….)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng

9	Học tập kỹ năng: - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong qúa trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG	PHÒNG ĐÀO TẠO	KHOA ĐIỆN - ĐT
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU		
ThS. Lê Văn Kích	Lê Song Hào	Hà Văn Đạo